

Mối quan hệ giữa thể chế quốc gia và chính sách địa phương trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam

Nguyễn Thường Lạng¹

¹ Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
Email: langnguyen3300@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 1 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 3 năm 2019.

Tóm tắt: Thể chế đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam trong hơn 30 năm qua tạo được nền tảng chung để chính sách địa phương cấp tỉnh xây dựng và vận hành qua giai đoạn ban đầu khoảng 20 năm, phát huy được thế mạnh đặc thù địa phương. Những nội dung phù hợp cũng như các khía cạnh bất cân xứng giữa thể chế chung quốc gia Việt Nam và chính sách địa phương cấp tỉnh được phân tích trên thực tế tạo căn cứ đánh giá mức độ phù hợp giữa thể chế quốc gia với chính sách địa phương, nhằm đồng thời hoàn thiện cả hai để tối ưu hóa lợi ích quốc gia tổng thể và lợi ích đặc thù của tỉnh.

Từ khóa: Thể chế chung quốc gia, chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh, đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: The institutional framework of foreign direct investments in Vietnam over the past 30 years has created a common foundation for the provincial-level policies to be built and operated over the initial period of about 20 years, promoting the characteristic strengths of the locality. The corresponding contents, as well as asymmetric aspects between the Vietnamese national institutional framework and provincial-level local policies, are analysed in practice to create a basis for assessing how corresponding they are. That is aimed to simultaneously improving them both to optimise the overall national interests and the specific ones of the province.

Keywords: National institutional framework, provincial-specific policies, foreign direct investment.

Subject classification: Economics

1. Giới thiệu

Mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia Việt Nam và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh là mối quan hệ thuộc cặp phạm trù cơ bản của triết học Mác - Lênin về cái chung và cái riêng hoặc cái đặc thù và cái phổ biến. Thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương trong thu hút đầu tư tiếp nước ngoài (FDI) là một dòng vốn đầu tư tư nhân dài hạn, có sự bổ sung chặt chẽ theo đó khía cạnh thứ nhất mang tính bao trùm, lâu dài còn khía cạnh thứ hai mang tính riêng lẻ, cục bộ. Chính sách địa phương còn nhằm thực hiện thể chế quốc gia trên địa bàn địa phương và là cách thức phát huy triệt để thế mạnh và đặc thù địa phương theo xu hướng chung.

Hiện tại, chưa có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia Việt Nam và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh trong thu hút FDI. FDI đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng, tăng quy mô vốn, chuyển dịch cơ cấu, nâng cao trình độ công nghệ, gia tăng xuất - nhập khẩu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực [7]. Dự thảo chiến lược thu hút FDI giai đoạn 2018-2030 chỉ ra cần hoàn thiện thể chế quốc gia để thu hút FDI thế hệ sau [3]. Bước đầu mới có một số nghiên cứu về phân cấp trong thu hút FDI, trong đó có việc chỉ ra những điểm khác nhau giữa thể chế quốc gia với đặc thù địa phương. Có trường hợp chính sách địa phương vượt ra khỏi thể chế chung quốc gia hay trường hợp “xé rào”. Tuy nhiên, nếu chính sách địa phương không bảo đảm tính đặc thù thì không phát huy được thế mạnh và sự đa dạng địa phương và ngược lại, nếu các quy định địa phương thống nhất hoàn toàn với quy định của cả nước thì địa

phương cũng không cần ban hành chính sách và nếu ban hành, chính sách địa phương cũng khó phát huy được lợi thế đặc thù cần thiết. Việc giải quyết mối quan hệ giữa thể chế chung với chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh trong thu hút FDI tại Việt Nam là một vấn đề gắn với việc hoàn thiện thể chế thu hút FDI cả cấp quốc gia và cấp địa phương. Đây là một vấn đề mang tính lâu dài và có mức độ ảnh hưởng sâu rộng.

Bài viết vận dụng mối quan hệ biện chứng của cặp phạm trù cái chung và cái riêng để chỉ ra mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia Việt Nam với chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh trong thu hút FDI. Nguồn dữ liệu sử dụng trong bài được thu thập từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư của các tỉnh, thành phố và các ban quản lý các khu công nghiệp, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

2. Cặp phạm trù triết học duy vật biện chứng “cái chung - cái riêng” và khung phân tích

2.1. Nội dung cặp phạm trù “cái chung - cái riêng”

Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác - Lênin, cặp phạm trù triết học “cái chung - cái riêng” phản ánh hai trạng thái khác nhau thậm chí trái ngược nhau, nhưng không đối lập theo nghĩa loại trừ lẫn nhau. Cái chung “chỉ những mặt, những thuộc tính, những mối quan hệ giống nhau ở nhiều sự vật, hiện tượng hay quá trình riêng lẻ” còn “cái riêng chỉ một sự vật, một

hiện tượng, một quá trình riêng lẻ nhất định” [1]. Cái chung sâu sắc hơn cái riêng do phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ bên trong, tất nhiên, ổn định, phổ biến tồn tại trong cái riêng cùng loại. Cái chung gắn với cái bản chất, quy định sự tồn tại và phát triển của sự vật. Cái chung là bộ phận của cái riêng, còn cái riêng không được hàm chứa hết trong cái chung.

Cái riêng phong phú hơn cái chung, vì ngoài những đặc điểm của cái chung, cái riêng còn có những đặc điểm riêng biệt mà chỉ riêng nó có, nằm ngoài cái chung. Cái chung chỉ tồn tại gắn với cái riêng và không có cái riêng đối lập với cái chung. Cái đơn nhất là những mặt, những thuộc tính... chỉ có ở một sự vật, một kết cấu vật chất. Những mặt, những thuộc tính ấy không được lặp lại ở bất kỳ sự vật, hiện tượng hay kết cấu vật chất nào khác. Cái đặc thù chỉ những thuộc tính lặp lại ở một số sự vật, hiện tượng hay kết cấu vật chất nhất định của một tập hợp nhất định. Ngoài ra còn có trường hợp cực đoan hay những ngoại lệ bất quy tắc cũng được sử dụng để chỉ cái riêng.

Có thể đưa ra công thức phản ánh mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng:

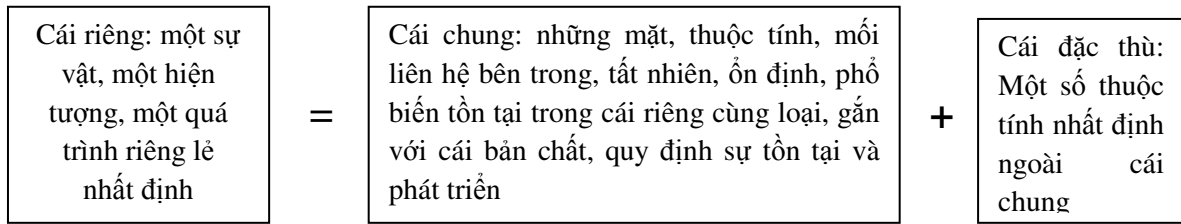
Cái riêng = cái chung + cái đơn nhất, hoặc cái riêng = cái chung + cái đặc thù, hay cái riêng = cái chung + cái độc nhất (duy nhất).

Có thể hiểu cái đơn nhất, cái đặc thù thuộc phạm trù cái riêng. Còn cái chung và cái phổ biến thuộc phạm trù cái chung. Thuật ngữ sử dụng để chỉ cái riêng gồm có cái riêng, cái đơn nhất, cái độc nhất, cái đặc thù, hay cái duy nhất có số lượng là 5 thuật ngữ, nhiều hơn so với 2 thuật ngữ sử dụng

để chỉ cái chung là cái chung và cái phổ biến. Như vậy, chỉ xét riêng hình thức ngôn ngữ thuần túy, cái riêng đã hoàn toàn có mức độ đa dạng cao hơn so với cái chung. Tuy nhiên, cặp phạm trù này không chỉ ra được tiêu chuẩn chung hay tiêu chuẩn cụ thể đánh giá mức độ phù hợp giữa cái chung và cái riêng. Cái chung không tách rời cái riêng, mà cái riêng còn có thể là sự thể hiện một phần của cái chung và cả phần mở rộng của cái chung. Cái riêng là sự phản ánh phần cái chung phát sinh cho nên nếu không có cái chung sẽ khó có cái riêng và cốt lõi của cái riêng là cái chung. Quy luật là cái chung nhưng biểu hiện của nó đa dạng thể hiện ở nhiều cái riêng, song không có cái riêng nào nằm ngoài quy luật chung. Điều này phản ánh mối quan hệ ràng buộc giữa cái chung và cái riêng.

2.2. Khung phân tích

Các mối quan hệ cụ thể giữa cái chung và cái riêng có thể được giải thích từ nhiều khía cạnh khác nhau. Nếu cái chung có trong nhiều cái riêng thì cái chung cấu thành cốt lõi của cái riêng và quan hệ của cái chung và cái riêng là quan hệ giữa trung tâm và ngoại vi, quan hệ giữa nội dung và hình thức. Nếu xem xét cái chung thể hiện quyền lực tập trung và cái riêng phản ánh quyền lực được phân cấp thì quan hệ cái chung và cái riêng là quan hệ mệnh lệnh và tuân thủ. Nếu quan niệm cái riêng được phát triển từ cái chung thì quan hệ cái chung và cái riêng là quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, trong đó cái chung là căn cứ và nguồn gốc để cái riêng ra đời. Quan hệ này có thể quan hệ tương quan hoặc quan hệ hàm số dưới đây.



Nếu quan niệm cái chung và cái riêng vận động độc lập thì cái riêng vận động không phụ thuộc vào cái chung và nó có thể vận động theo những thuộc tính đặc thù và có tính chất nội tại. Theo đó, cái riêng có thể chuyển hóa thành cái chung.

Từ khung phân tích tổng quát trên đây, có thể xây dựng khung phân tích cụ thể về mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương như sau

Thể chế thu hút FDI địa phương cấp tỉnh = Thể chế chung quốc gia thu hút FDI + Chính sách đặc thù địa phương
--

2.3. Khung phân tích quan hệ thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh trong thu hút FDI

Căn cứ vào mối quan hệ “cái chung - cái riêng” trên đây có thể xây dựng khung phân tích để khảo sát thực tế về thể chế chung quốc gia thu hút FDI và chính sách đặc thù địa phương ở Việt Nam, nhằm chỉ ra mức độ phù hợp hay không phù hợp giữa thể chế chung thu hút FDI quốc gia với chính sách đặc thù địa phương. Thể chế là cơ cấu hoặc cơ chế của trật tự xã hội hoặc của sự hợp tác điều chỉnh thái độ cá nhân trong cộng đồng [6].

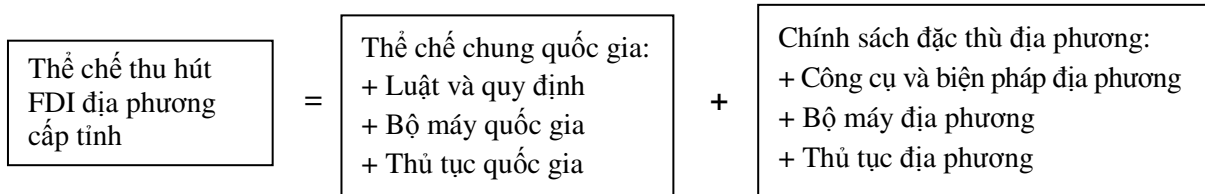
Thể chế chung quốc gia thu hút FDI là tổng thể nguyên tắc, cơ cấu, quy trình và sự vận hành hệ thống điều chỉnh thu hút FDI áp dụng thống nhất trên phạm vi quốc gia. Điều này thể hiện tập trung ở các đạo luật có phạm vi áp dụng chung như Luật Đầu tư, các quy định chung về chế độ báo cáo, nghĩa vụ tài chính, bộ máy thu hút FDI và thủ tục hành chính về đăng ký đầu tư, mua

cổ phần, cấp giấy phép, phá sản, các biện pháp xúc tiến đầu tư quốc gia.

Chính sách đặc thù địa phương là hệ thống các công cụ, biện pháp thu hút FDI do địa phương xây dựng theo thẩm quyền được phân cấp, có hiệu lực trong phạm vi địa phương và có những điểm khác với thể chế chung quốc gia như các biện pháp xúc tiến, kêu gọi đầu tư, quảng bá hình ảnh địa phương, khảo sát nước ngoài, quy định giá tiền thuê đất trên địa bàn địa phương ưu đãi cao hơn so với mức trung bình chung cả nước để tăng sức cạnh tranh địa phương, tuân thủ quy hoạch địa phương như quy hoạch khu công nghiệp, ưu tiên sử dụng lao động địa phương trong các dự án sử dụng nhiều lao động, bộ máy quản lý và thủ tục cấp địa phương được yêu cầu phải tuân thủ. Nói cách khác, chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh tập trung nhiều hơn vào bảo vệ lợi ích địa phương. Nếu quá đề cao lợi ích địa phương cục bộ, có thể làm sai lệch thể chế quốc gia mà lịch sử tổ chức

quyền lực địa phương ở Việt Nam đã có trường hợp “phép vua thua lệ làng”, gây ra tình trạng phân tán quyền lực hay tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, hoặc “trên bảo dưới

không nghe” trong tổ chức thực hiện các quy định, chính sách và chủ trương về thu hút FDI của cả nước.



3. Phân tích mối quan hệ thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh trong thu hút FDI ở Việt Nam

Dựa trên khung phân tích thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh thu hút FDI có thể thấy, thể chế chung tạo nền tảng nhận thức và hành động giống nhau giữa các địa phương, còn chính sách đặc thù địa phương là sự thể hiện sự sáng tạo và năng lực tạo ra sự khác biệt địa phương nhằm tăng mức độ thu hút bổ sung FDI. Mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh là mối quan hệ đa dạng và nhiều cấp độ vừa mang tính chất bổ sung, vừa thay thế, vừa độc lập vừa phụ thuộc. Chính sách đặc thù địa phương là sự thay thế tốt hơn so với thể chế chung quốc gia trong thu hút FDI do phát huy được tính sáng tạo địa phương (thông qua áp dụng linh hoạt các công cụ và biện pháp trong kêu gọi, thu hút và tạo điều kiện thuận lợi nhất thậm chí chấp thuận đánh đổi hay thua thiệt lợi ích địa phương lớn hơn so với mức trung bình thu được để thu hút được nhà đầu tư cần thiết). Việc phân cấp thu hút FDI là phương thức làm tăng vị trí và vai trò của địa phương trong khai thác tiềm năng địa phương.

3.1. Thể chế chung quốc gia là căn cứ xây dựng chính sách đặc thù địa phương

Thể chế này thể hiện tập trung nhất ở Luật Đầu tư và các quy định pháp luật khác ban hành từ năm 1988 và được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1990, 1992, 1996, 2000, 2005 trong đó, lần gần nhất vào năm 2014. Bộ máy quản lý thu hút FDI cấp quốc gia trực tiếp là Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng như các loại thủ tục và quy trình thu hút FDI quốc gia được ban hành thống nhất cả Luật và Nghị định hướng dẫn thi hành. Trên cơ sở quyền lực ban hành chính sách được phân cấp, địa phương chủ động tổ chức bộ máy và ban hành chính sách đặc thù địa phương như xây dựng mô hình Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, trung tâm xúc tiến đầu tư...

3.2. Chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh thu hút FDI bổ sung và phát triển thể chế chung quốc gia vào điều kiện địa phương theo hướng địa phương hóa và cụ thể hóa

Các chính sách này bao gồm hoàn thiện quy hoạch thu hút FDI cấp tỉnh, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư theo đặc thù địa phương, đơn

giảm hóa thủ tục hành chính địa phương, giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai và minh bạch hóa thủ tục, bảo đảm cho nhà đầu tư nước ngoài yên tâm đầu tư lâu dài tại Việt Nam. Các chỉ số đánh giá chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh được phản ánh trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do VCCI công bố hàng năm. Việc sửa đổi Luật Đầu tư năm 2005, có hiệu lực từ năm 2006 đã phân cấp khá mạnh cho các địa phương. Từ năm 2017, các địa phương đã coi trọng việc xây dựng, ban hành và phát triển các chính sách đặc thù địa phương; dòng FDI thực hiện khoảng 8 tỷ đô la Mỹ, gấp đôi năm 2006 và đây cũng là năm đánh dấu một giai đoạn FDI thực hiện tại Việt Nam hàng năm luôn ở trên 10 tỷ đô la Mỹ và đạt con số kỷ lục 17,5 tỷ đô la Mỹ vào năm 2017 [3]. Năm 2018, FDI thực hiện cũng xấp xỉ năm 2017.

Chẳng hạn, Điều 15 Luật Đầu tư 2014 quy định hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư, như áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất. Dựa trên quy định chung này, nhiều địa phương đã quy định hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư cao hơn so với mức thông thường. Các quy định ưu đãi và hỗ trợ của các địa phương đối với nhà đầu tư nước ngoài tạo sức thu hút hiệu quả FDI. Nói cách khác, quy định chung được sử dụng làm chỗ dựa để đề xuất các quy định mang tính đặc thù địa phương, thậm

chí các quy định địa phương thay thế hoàn toàn quy định thống nhất quốc gia khi chúng có hiệu lực trên địa bàn địa phương. Bên cạnh đó, nhiều địa phương tăng thêm các biện pháp ưu đãi đối với nhà đầu tư về tiền thuê đất đai, mặt bằng sản xuất, thủ tục, tuyển dụng và đào tạo lao động... Do đó, thể chế chung quốc gia cần tạo giới hạn đối với mức độ phát huy đặc thù địa phương để tránh tình trạng quá đề cao lợi ích địa phương dẫn đến suy giảm quá lớn lợi ích quốc gia, thậm chí cạnh tranh thiếu lành mạnh trong thu hút FDI. Nhà đầu tư nước ngoài có thể triệt để khai thác sự thiếu thống nhất trong việc phát huy tính đặc thù địa phương về chính sách để thu lợi ích tối đa.

3.3. Thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương tuân thủ thống nhất quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư được phân cấp

Điều 32 quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư cấp tỉnh. Thẩm quyền cấp tỉnh khác với Thủ tướng Chính phủ (Điều 31) và Quốc hội (Điều 30). Tuy nhiên, cũng có quy định thống nhất cả nước được chính sách địa phương tuân thủ chặt chẽ như quy định của Điều 43 của Luật Đầu tư về thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trong khu kinh tế không quá 70 năm và ngoài khu kinh tế không quá 50 năm. Đồng thời, nếu dự án đầu tư vào vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án có vốn đầu tư lớn, thời hạn thu hồi vốn chậm thì thời hạn cũng không kéo dài quá 70 năm. Thực tế cho thấy, quy định được các địa phương tuân thủ nghiêm túc và điều này cũng có nguyên nhân từ các dự

án có thời hạn 50 năm hoặc 70 năm đều phải do hội đồng thẩm định dự án quốc gia thẩm định và cấp quản lý trên cấp tỉnh quyết định. Bên cạnh đó, quy định giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước cũng được xây dựng cho thấy tính thống nhất cao của thể chế quốc gia trên nguyên tắc bảo vệ lợi ích hợp pháp và lâu dài của nhà đầu tư. Những trường hợp sai phạm trong tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường cũng như các hành vi chuyển giá đều được thanh tra FDI phát hiện và kết luận thống nhất. Đây là khía cạnh bảo đảm tính thống nhất trong thực thi thể chế quốc gia về FDI mà chính sách đặc thù địa phương có thể tạo điều kiện để thể chế quốc gia phát huy tác dụng đáng kể.

Nếu sử dụng khung phân tích môi trường kinh doanh cấp tỉnh được áp dụng từ năm 2005 như là một yếu tố thu hút FDI chung được đánh giá thông qua hệ thống 10 chỉ tiêu cấu thành năng lực cạnh tranh cấp tỉnh gồm có gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động, hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động và thể chế pháp lý. Các chỉ tiêu này giống nhau và được sử dụng thống nhất trong tất cả các địa phương như khung tham chiếu chung, song tính đặc thù thể hiện ở mức điểm số được đánh giá khác nhau ở các địa phương, do đó, có thể xếp hạng được năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Các biện pháp do địa phương áp dụng khá đa dạng và kết quả đạt được trong thu hút FDI cũng khá khác nhau thể hiện chỉ số PCI của hầu hết 63 địa phương sau 11 năm áp dụng liên tiếp nhưng chưa có trường hợp nào PCI của ít nhất 2 địa phương trùng nhau. Xu hướng chung là PCI tăng dần thể

hiện chất lượng chính sách đặc thù địa phương tăng lên sau các quá trình cải tiến liên tục, cạnh tranh thu hút FDI giữa các địa phương diễn ra khá gay gắt và hiệu quả thực tế được bộc lộ đang tạo động lực để hoàn thiện chính sách đặc thù địa phương cũng như hoàn thiện thể chế quốc gia trong điều kiện cạnh tranh cấp tỉnh được đề cao.

3.4. Chính sách đặc thù địa phương áp dụng thành công tạo cơ sở để hoàn thiện thể chế chung quốc gia về thu hút FDI

Thực tế cho thấy, nhiều địa phương có những chính sách đặc thù thể hiện sự sáng tạo và hiệu năng cao, áp dụng hiệu quả, song các địa phương khác chưa tích cực và chủ động học tập để tránh mò mẫm hoặc lãng phí thử nghiệm chính sách và biện pháp đặc thù địa phương. Chẳng hạn, Quảng Ninh là tỉnh đi đầu thực hiện việc tổ chức vận hành trung tâm hành chính cấp tỉnh được đánh giá là tiết kiệm chi phí về thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nhưng các địa phương khác chưa học tập và áp dụng. Tính đặc thù chính sách địa phương không được chuyển hóa thành cái chung để áp dụng đại trà. Khía cạnh này mở ra khả năng điều chỉnh chính sách địa phương theo hướng đổi mới, sáng tạo dựa trên nền tảng cái riêng và cái đặc thù, thậm chí đơn nhất để phát huy cao nhất hiệu năng chính sách địa phương, tạo nền tảng hoàn thiện thể chế quốc gia thống nhất trong thu hút FDI. Sự sáng tạo địa phương ban đầu chỉ mang tính đặc thù, nhưng sau một thời gian phát huy hiệu năng và hiệu quả tốt thậm chí tốt hơn hẳn so với các chính sách được các địa phương áp dụng, sẽ trở thành

thể chế chung quốc gia được áp dụng thống nhất trong cả nước.

Như vậy, có thể thấy mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương về thu hút FDI được thể hiện đa dạng. Đây là loại quan hệ vừa bổ sung, vừa thay thế, vừa độc lập vừa phụ thuộc lẫn nhau. Quan hệ này còn mang thuộc tính của quan hệ hai chiều giữa điều kiện cần và điều kiện đủ; đồng thời đây còn là quan hệ mệnh lệnh - tuân thủ, trong đó thể chế quốc gia là cơ quan truyền đạt mệnh lệnh tập trung, còn địa phương là cấp tuân thủ.

4. Kết luận

Mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh là quan hệ vừa có tính bổ sung, vừa có tính chất thay thế, trong đó chính sách đặc thù địa phương được xây dựng dựa trên thể chế chung quốc gia có mở rộng thêm nội dung để phát huy đặc thù địa phương. Khi chính sách đặc thù địa phương này được ban hành, nó có tính độc lập do đó, có thể thay thế quy định chung quốc gia hay đây là sự phủ định biện chứng thể chế chung. Mối quan hệ giữa hai trạng thái này có thể khai thác và phát triển phù hợp. Nếu quá đề cao thể chế chung quốc gia sẽ triệt tiêu sáng tạo và đặc thù chính sách địa phương, còn nếu thủ tiêu chính sách đặc thù địa phương sẽ làm giảm hiệu năng của thể chế chung quốc gia và khả năng phát huy hiệu năng cao nhất của nó trên địa bàn địa phương.

Việc xem xét mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương trong thu hút FDI, *một mặt*, phản ánh sự vận dụng mối quan hệ giữa cái

chung và cái riêng; *mặt khác*, mở ra cơ hội để vừa phát triển được mối quan hệ của cặp phạm trù này theo các chiều hướng có thể. Điều này góp phần làm phong phú thêm nội dung của mối quan hệ của cặp phạm trù của chủ nghĩa duy vật biện chứng của chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác - Lênin gắn với thu hút FDI. Thực tế thu hút FDI trong hơn 30 năm của Việt Nam chứng minh rõ nét mối quan hệ này.

Việc vận dụng mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh góp phần phát huy vai trò của thể chế chung quốc gia trong tạo ra sự vận động thống nhất, cũng như thúc đẩy phát huy tính sáng tạo thông qua đổi mới chính sách đặc thù địa phương. Thực tế cho thấy, đặc thù địa phương có thể phá vỡ tính thống nhất thể chế quốc gia nhưng đó lại là cách thức không loại trừ trong thúc đẩy và tăng cường thu hút FDI có hiệu quả đối với không ít địa phương cấp tỉnh. Vai trò và tác động của đặc thù chính sách địa phương cấp tỉnh tạo nền tảng để nhận thức đầy đủ hơn mối quan hệ giữa thể chế chung quốc gia thống nhất với chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh, trong đó chính sách địa phương không nhất thiết phải tuân thủ tuyệt đối thể chế chung quốc gia, vì không phát huy hết tính đặc thù và sáng tạo địa phương cũng như thể chế chung quốc gia cũng đang trong quá trình hoàn thiện. Nếu chính sách địa phương bắt buộc phải thống nhất, thậm chí giống như thể chế chung quốc gia thì tác động của việc phát huy tính đặc thù chính sách địa phương cấp tỉnh sẽ không được bộc lộ. Những nỗ lực của địa phương khó tính đến đầy đủ và hiệu quả. Khi nỗ lực sáng tạo địa phương được phát huy tối đa trên nền tảng của tính đặc thù chính sách và công cụ biện pháp được áp dụng hiệu quả

sẽ tạo căn cứ để hoàn thiện thể chế quốc gia. Để tăng cường tính thống nhất thể chế chung quốc gia và chính sách đặc thù địa phương cấp tỉnh, cần tăng cường tính minh bạch của cả hai đến mức cao nhất.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đại học Kinh tế quốc dân (1985), *Triết học Mác - Lênin, Phần “Chủ nghĩa duy vật biện chứng”*, Xưởng in Đại học Kinh tế quốc dân.
- [2] Chính phủ (2015), Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, truy cập ngày 18 tháng 12 năm 2018, từ: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=182195.
- [3] Cục Đầu tư nước ngoài (2018), Dự thảo “Chiến lược và định hướng chiến lược thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030” truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 12 năm 2018, từ: https://dautunucngoai.gov.vn/_layouts/fiportal/uploads/content/Documents/D%E1%BB%B1%20th%E1%BA%A3o%20Chi%E1%BA%BFn%20l%C6%B0%E1%BB%A3c%20thu%20h%C3%BAt%20FDI%20giai%20C4%91o%E1%BA%A1n%202018-2030.pdf.
- [4] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2017), Chi số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 12 năm 2018, từ: <http://pcivietnam.org/nhung-ganh-nang-quy-dinh-sau-khi-gia-nhap-thi-truong-doi-voi-doanh-nghiep-fdi>.
- [5] Quốc hội (2014), Luật Đầu tư 2014, truy cập lần cuối cùng ngày 18 tháng 12 năm 2018 từ: [file:///C:/Documents%20and%20Settings/Admin/My%20Documents/Downloads/05_VBH N-VPQH\(16324\)%20\(2\).pdf](file:///C:/Documents%20and%20Settings/Admin/My%20Documents/Downloads/05_VBH N-VPQH(16324)%20(2).pdf).
- [6] Từ điển thuật ngữ, Definition for Institution? Truy cập lần cuối cùng ngày 16 tháng 12 năm 2018, từ: <https://www.definitions.net/definition/Institution>.
- [7] Nguyễn Tấn Vinh (2017), Nhìn lại giá trị của FDI ở Việt Nam sau gần 30 năm, truy cập lần cuối cùng ngày 20 tháng 12 năm 2018, từ: <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/92-7662-nhin-lai-gia-tri-cua-fdi-o-viet-nam-sau-gan-30-nam.html>.